

PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI: TRƯỜNG HỢP TỈNH ĐỒNG NAI

Vũ Thu Hương, Trần Văn Hùng, Nguyễn Thị Hương Thảo, Đinh Thị Thu Thủy

Trường Đại học Lâm nghiệp - Phân hiệu Đồng Nai

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.2022.7.174-182>

TÓM TẮT

Thời điểm 31/12/2020, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại Đồng Nai chiếm 6,3% trong tổng số các doanh nghiệp, đóng góp 46,7% trong tổng sản phẩm trên địa bàn. Trong số doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài chiếm 95,1%. Giai đoạn 2016 – 2020, doanh nghiệp FDI tại Đồng Nai có sự tăng trưởng về chiều rộng lẫn chiều sâu. Trong đó, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài có tốc độ phát triển bình quân lớn hơn doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài về số lượng doanh nghiệp, giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn, thu nhập của người lao động, doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế. Doanh nghiệp liên doanh có ưu thế hơn về sự biến động lao động, vốn sản xuất kinh doanh, lợi nhuận trước thuế/vốn sản xuất kinh doanh. Đồng Nai có nhiều ưu thế cũng như cơ hội phát triển doanh nghiệp FDI. Tuy nhiên, việc mở rộng diện tích sản xuất kinh doanh và số lượng doanh nghiệp đang dần trở nên khó khăn do đất trống với diện tích lớn không còn nhiều. Để doanh nghiệp FDI đóng góp nhiều hơn trong việc phát triển kinh tế, Đồng Nai cần tập trung phát triển doanh nghiệp FDI về chiều sâu.

Từ khóa: Doanh nghiệp FDI, đầu tư trực tiếp nước ngoài, Đồng Nai, phát triển.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Qua hơn 30 năm thực hiện Luật Đầu tư, tỉnh Đồng Nai luôn là địa phương nằm trong top thu hút nguồn vốn FDI cao nhất cả nước. Các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh hoạt động ở phạm vi lớn, đa dạng ngành nghề, đóng góp nhiều cho quá trình phát triển kinh tế của địa phương. Tuy nhiên, đất cho phát triển khu công nghiệp (KCN) ngày càng hạn hẹp, các vùng lân cận nhiều quỹ đất và giá thuê có xu hướng rẻ hơn, lao động ngày càng trở nên khó tuyển dụng... cần có giải pháp phát triển doanh nghiệp FDI phù hợp để địa phương được hưởng những lợi ích lớn hơn do các doanh nghiệp này đem lại.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu dựa trên lý thuyết về phát triển và dưới góc độ quản lý nhà nước. Số liệu sử dụng trong nghiên cứu là số liệu được công bố trong Niên giám thống kê của tỉnh Đồng Nai từ năm 2017 đến năm 2021 và thực tế khảo sát của nhóm tác giả tại hai KCN có số doanh nghiệp FDI lớn nhất là Amata và Nhơn Trạch III, khảo sát các doanh nghiệp có quy mô vốn từ 10 tỷ đồng trở lên, mỗi loại 23 doanh nghiệp, có 87 mẫu đạt yêu cầu. Đối tượng khảo sát là lãnh đạo doanh nghiệp FDI, khảo sát về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến phát triển doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

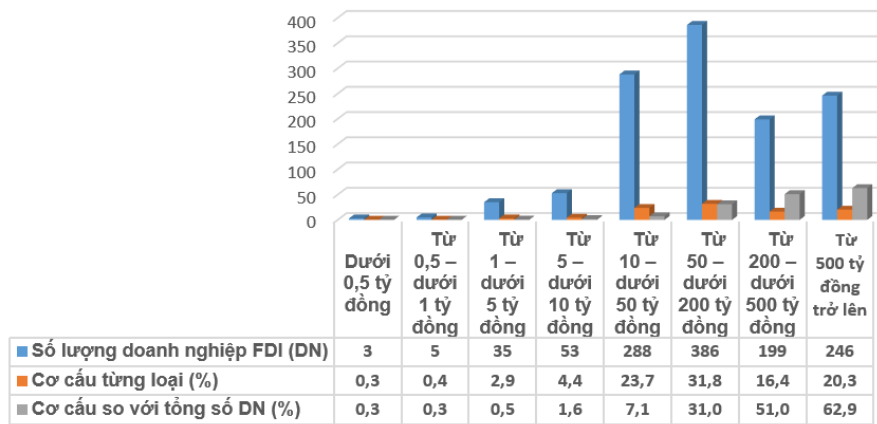
Phương pháp thu thập số liệu là phương pháp kế thừa, phỏng vấn qua Google Forms và điện thoại. Phương pháp phân tích số liệu dùng thống kê mô tả và so sánh, kết hợp với bảng số liệu và biểu đồ để làm rõ hơn kết quả nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tình hình doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Theo Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai (2022), thời điểm 31/12/2020 Đồng Nai có 1.215 doanh nghiệp FDI, chiếm 6,3% trong tổng số các loại hình doanh nghiệp. Tuy chiếm tỷ trọng không nhiều nhưng đóng góp của khối doanh nghiệp FDI trong tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh năm 2017 là 44,2%; 2018 là 44,9%; 2019 là 46,3%; 2020 là 46,7%. Hàng năm, vốn sản xuất kinh doanh (SXKD) bình quân của doanh nghiệp FDI đều chiếm trên 50% so với vốn SXKD của các loại doanh nghiệp. Doanh nghiệp FDI tại Đồng Nai chủ yếu là doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài (NN), chiếm 95,1% số doanh nghiệp FDI.

Trong doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp có quy mô vốn từ 50 đến dưới 200 tỷ đồng chiếm tỷ lệ cao (31,8%). Trong các loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp FDI có quy mô vốn từ 200 đến dưới 500 tỷ đồng chiếm tỷ lệ cao nhất (51%), quy mô vốn từ 500 tỷ đồng trở lên chiếm tới 62,9% (Hình 1).

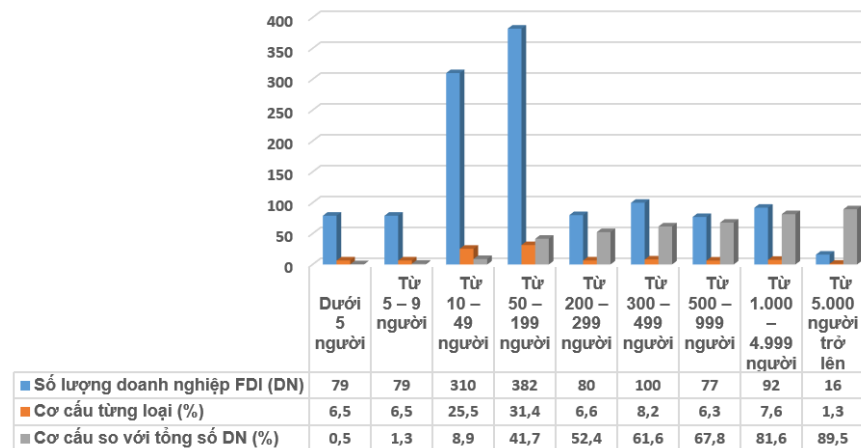


Hình 1. Số lượng doanh nghiệp FDI theo quy mô vốn (thời điểm 31/12/2020)

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai (2022) và tính toán của tác giả)

Về quy mô lao động, doanh nghiệp FDI có 50 đến 199 lao động chiếm tỷ lệ 31,4%. So với các loại hình doanh nghiệp khác, doanh nghiệp

FDI có 1.000 đến 4.999 lao động chiếm tỷ lệ cao nhất (81,6%). Doanh nghiệp FDI sử dụng từ 5.000 người trở lên chiếm tới 89,5% (Hình 2).



Hình 2. Số lượng doanh nghiệp FDI theo quy mô lao động (thời điểm 31/12/2020)

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai (2022) và tính toán của tác giả)

Như vậy, doanh nghiệp FDI tại Đồng Nai chủ yếu là doanh nghiệp có quy mô lớn, sự có mặt của doanh nghiệp FDI những năm qua đã góp phần không nhỏ trong việc phát triển kinh tế địa phương. Việc thu hút đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp FDI phát triển là nhiệm vụ cần quan tâm.

3.2. Thực trạng phát triển doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

3.2.1. Các biện pháp chính UBND tỉnh Đồng Nai đã sử dụng để phát triển doanh nghiệp FDI

Để phát triển doanh nghiệp FDI nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Đồng Nai đã áp dụng nhiều biện pháp như: định hướng ngành nghề và địa bàn đầu tư; hướng dẫn

thủ tục đầu tư; thu hút đầu tư; thực hiện cải cách hành chính; đồng hành cùng doanh nghiệp,...

Định hướng ngành nghề, địa bàn đầu tư và hướng dẫn đầu tư được thể hiện chi tiết trong các văn bản ban hành (Quyết định số 2399/QĐ-UBND, năm 2016 về sản xuất sạch hơn trong công nghiệp; Quyết định số 554/QĐ-UBND, năm 2022 về phát triển cụm công nghiệp giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND về địa điểm dự án đầu tư,...).

Các chỉ tiêu về thu hút vốn FDI được nêu tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh mỗi nhiệm kỳ. Hàng năm có rà soát và xây dựng kế hoạch và chỉ tiêu mới.

Cải cách thủ tục hành chính được tỉnh quan tâm, thực hiện hỗ trợ tại chỗ. Tại bộ phận một

cửa của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai, thời gian giải quyết hồ sơ được thực hiện rút gọn trung bình chỉ bằng 60% - 70% thời gian quy định.

Tỉnh Đồng Nai cũng có nhiều hoạt động thiết thực nhằm đồng hành cùng doanh nghiệp như: đối thoại với doanh nghiệp; khảo sát ý kiến doanh nghiệp; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; giải quyết nhà ở xã hội cho các đối tượng KCN, khu chế xuất; thực hiện những chế độ hỗ trợ, ưu đãi,...

3.2.2. Tình hình phát triển doanh nghiệp FDI tại Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020

Bảng 1. Số lượng doanh nghiệp FDI thời điểm 31/12 hàng năm

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	2017	2018	2019	2020	Tốc độ PTBQ (%)
	(DN)	(DN)	(DN)	(DN)	(DN)	so với 2016 (%)	so với 2017 (%)	so với 2018 (%)	so với 2019 (%)	
1. Doanh nghiệp 100% vốn NN	944	1.059	1.043	1.105	1.156	112,2	98,5	105,9	104,6	5,2
2. Doanh nghiệp LD	52	58	51	54	59	111,5	87,9	105,9	109,3	3,2
Cộng	996	1.117	1.094	1.159	1.215	112,2	97,9	105,9	104,8	5,1

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai (2022) và tính toán của tác giả

Tỷ lệ lấp đầy trong các KCN hiện nay là 77,8%, trong đó 5/32 KCN có tỉ lệ lấp đầy 100%, KCN Tân Phú tỉ lệ lấp đầy 17,8%, KCN Giang Điền 43,1%. Các KCN có tỉ lệ lấp đầy cao là các KCN thành lập lâu như KCN Long Khánh, Long Bình, Bàu Xéo, Nhơn Trạch II – Nhơn Phú, Định Quán, Biên Hòa I,... tỷ lệ đất trống trong KCN đã hoàn thành chỉ còn 22,2% (Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai, 2021). Như vậy, diện tích dành cho việc thu hút doanh

3.2.2.1. Phát triển về chiều rộng

Số lượng doanh nghiệp FDI: Số doanh nghiệp FDI qua các năm tăng không đột biến nhưng khá đều với tốc độ phát triển bình quân (PTBQ) là 5,1%. Tốc độ PTBQ của doanh nghiệp 100% vốn NN là 5,2%, tốc độ PTBQ của doanh nghiệp liên doanh (LD) là 3,2% (Bảng 1). Số lượng doanh nghiệp FDI tăng, tuy nhiên tình trạng nợ đọng BHXH, BHYT, BHTN là vấn đề cần quan tâm (tháng 12/2018, số tiền nợ đọng trên 566 tỷ đồng, trong đó doanh nghiệp FDI nợ trên 225 tỷ đồng).

nh nghiệp FDI tiềm năng không còn nhiều.

Số lượng ngành nghề: Tốc độ PTBQ của số ngành nghề trong lĩnh vực công nghiệp là 3%, nhóm ngành này có 6 ngành đạt tốc độ PTBQ trên 7%. Điện, thức ăn gia súc và giày dép có tốc độ PTBQ cao nhất lần lượt là 92,5%; 73,5% và 10,8%. Ngành thương mại, tốc độ PTBQ đạt 8,6%. Ngành dịch vụ, du lịch (mảng lưu trú) tốc độ PTBQ đạt 18,8% (Bảng 2).

Bảng 2. Các ngành nghề sử dụng vốn FDI có tốc độ PTBQ trên 7%

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020	Tốc độ PTBQ (%)
I	Ngành công nghiệp	Ngành	24	25	25	27	27	3,0
1	Điện	Triệu Kwh	333	10.403	10.944	6.503	4.573	92,5
2	Dây điện	Km	175.000	177.253	193.206	221.326	236.819	7,9
3	Giày dép	1.000 đôi	3.273	3.306	3.825	4.554	4.932	10,8
4	Thức ăn gia súc	1.000 tấn	5.041	5.091	5.620	44.436	45.625	73,5
5	Khăn tắm các loại	1.000 tấn	28	29	33	35	37	7,2
6	Giày thể thao	1.000 đôi	147.300	164.250	180.322	207.861	210.321	9,3
II	Ngành thương mại	Tỷ đồng	1.273	1.239	1.386	1.698	1.769	8,6
III	Dịch vụ (lưu trú)	Triệu đồng	2.627	4.225	6.128	6.453	5.240	18,8

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai, 2022

Nhìn chung, các dự án của doanh nghiệp FDI đa dạng ngành nghề. Thị trường tiêu thụ của các sản phẩm trong nước chiếm hơn 20%, còn lại là xuất khẩu. Sự đóng góp của các doanh nghiệp FDI đã giúp cho kinh tế tại Đồng Nai tăng trưởng đều đặn, đặc biệt là ngành công nghiệp. Ngoài ra, các doanh nghiệp FDI còn SXKD một số mặt hàng mà doanh nghiệp trong nước chưa làm được (hạt nhựa PVC, vải...) giúp cho địa phương và khu vực lân cận không phải nhập

khẩu nguyên liệu, tăng tính chủ động trong sản xuất. Tuy nhiên, một số ngành nghề vẫn còn tình trạng gây ô nhiễm môi trường, bị xử lý.

Số lượng lao động: Tốc độ PTBQ về lao động trong các doanh nghiệp FDI là 2,4%. Trong đó, tốc độ PTBQ về lao động trong các doanh nghiệp 100% vốn NN là 2,3%, tốc độ PTBQ về lao động trong các doanh nghiệp LD là 7,9% (Bảng 3).

Bảng 3. Lao động trong các doanh nghiệp FDI

Chỉ tiêu	2016 (Người)	2017 (Người)	2018 (Người)	2019 (Người)	2020 (Người)	Tốc độ PTBQ (%)
1. Doanh nghiệp 100% vốn NN	530.291	545.237	567.207	581.258	581.761	2,3
2. Doanh nghiệp LD	8.973	9.849	9.297	10.907	12.153	7,9
Cộng	539.264	555.086	576.504	592.165	593.914	2,4

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai (2022) và tính toán của tác giả

Tốc độ PTBQ về lao động trong các doanh nghiệp LD lớn hơn các doanh nghiệp 100% vốn NN, đây là điều đáng mừng vì các nhà đầu tư trong nước không chỉ được phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp mà còn được tiếp cận với công nghệ hiện đại, phong cách và trình độ quản lý kinh tế tiên tiến. Đây cũng là xu thế trong phát triển doanh nghiệp, nhằm tăng tính chủ động của các doanh nghiệp trong nước, giảm dần sự phụ thuộc của nền kinh tế vào các doanh nghiệp FDI.

Lượng vốn SXKD, giá trị tài sản cố định (TSCĐ) và đầu tư tài chính dài hạn: Tốc độ PTBQ của vốn SXKD đạt 10,3%; tốc độ PTBQ của giá trị TSCĐ và đầu tư tài chính dài hạn là 8,4% (Bảng 4). Tuy vốn SXKD của doanh nghiệp LD chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng tốc độ PTBQ của vốn SXKD loại hình doanh nghiệp này là 15,6%, cao hơn hẳn doanh nghiệp 100% vốn NN (10,0%). Điều này chứng tỏ doanh nghiệp LD đã có những phát triển nhất định, quy mô về vốn ngày càng lớn.

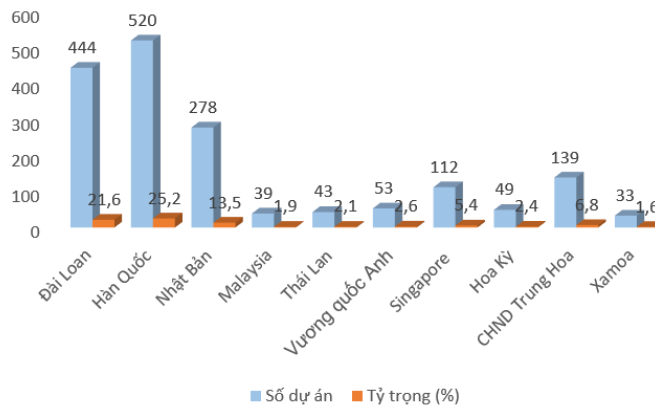
Bảng 4. Vốn sản xuất kinh doanh, giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các doanh nghiệp FDI

TT	Chỉ tiêu	2016 (tỷ đồng)	2017 (tỷ đồng)	2018 (tỷ đồng)	2019 (tỷ đồng)	2020 (tỷ đồng)	Tốc độ PTBQ (%)
1	Vốn SXKD bình quân	438.107	489.445	538.765	587.931	648.211	10,3
	Doanh nghiệp 100% vốn NN	413.870	465.330	513.776	555.229	605.001	10,0
	Doanh nghiệp LD	24.237	24.115	24.989	32.702	43.210	15,6
2	Giá trị TSCĐ và đầu tư tài chính dài hạn	206.728	232.590	241.543	277.466	285.507	8,4
	Doanh nghiệp 100% vốn NN	195.878	221.414	231.671	264.400	272.087	8,6
	Doanh nghiệp LD	10.850	11.176	9.872	13.066	13.420	5,5

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai (2022) và tính toán của tác giả

Tốc độ PTBQ của giá trị TSCĐ và đầu tư tài chính dài hạn trong doanh nghiệp LD nhỏ hơn doanh nghiệp 100% vốn NN 3,1% (8,6% – 5,5%). Như vậy, doanh nghiệp 100% vốn NN có tiềm lực về vốn dài hạn. Doanh nghiệp LD, vốn là TSCĐ và đầu tư tài chính dài hạn tuy có tăng qua các năm nhưng tỉ trọng chưa nhiều và tốc độ PTBQ còn thấp, để phát triển lâu dài thì vốn TSCĐ và đầu tư tài chính dài hạn cần phải quan tâm đầu tư nhiều hơn.

Đối tác đầu tư: Cho đến nay, có hơn 40 quốc gia tham gia đầu tư vào tỉnh Đồng Nai. Các quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư chủ yếu vào Đồng Nai là Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan... Số dự án của Hàn Quốc, Đài Loan và Nhật Bản đầu tư vào Đồng Nai chiếm tỷ lệ lớn nhất, lần lượt là 25,2%, 21,6% và 13,5% trong tổng số các dự án lũy kế đến 31/12/2020 (Hình 3).



Hình 3. 10 quốc gia chủ yếu đầu tư vào tỉnh Đồng Nai, lũy kế đến 31/12/2020

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai (2016 - 2022) và tính toán của tác giả)

Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Hoa Kỳ... là những nước đầu tư liên tục trong nhiều năm. Bên cạnh đó, một số quốc gia không duy trì được mạch đầu tư liên tục (Vương quốc Anh, Thụy Sĩ, Đan Mạch,...). Cần nghiên cứu để hỗ trợ cũng như thu hút liên tục các quốc gia khi họ đầu tư tại Đồng Nai.

3.2.2.2. *Phát triển về chiều sâu*

Cơ cấu ngành nghề: Các doanh nghiệp FDI đang đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng chiếm tỉ trọng lớn nhất (91,6% số dự án và 70,5% số vốn đăng ký). Tiếp theo là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ; doanh nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản rất khiêm tốn (Bảng 5). Doanh nghiệp công nghệ cao rất ít.

Bảng 5. Đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp giấy phép phân theo ngành kinh tế (còn hiệu lực, lũy kế đến 31/12/2020)

TT	Ngành nghề	Số dự án		Vốn đăng ký	
		Số lượng (Dự án)	Cơ cấu (%)	Số lượng (Triệu USD)	Cơ cấu (%)
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	25	1,2	83	0,3
2	Công nghiệp, xây dựng	1.886	91,6	20.574	70,5
2	Thương mại, dịch vụ	149	7,2	8.543	29,2
Cộng		2.060	100,0	29.200	100,0

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai (2021) và tổng hợp, tính toán của tác giả

Nhiều doanh nghiệp FDI tại Đồng Nai đang sản xuất các loại linh kiện điện tử cung ứng cho Tập đoàn Samsung như Công ty TNHH Hansol Electronics Vietnam Hochiminhcity, Công ty TNHH Platel Vina. Công ty TNHH Meggitt

Việt Nam sản xuất các động cơ máy bay cho các tập đoàn sản xuất máy bay lớn của thế giới. Công ty TNHH Hyosung Đồng Nai cung ứng sản phẩm sợi cho nhiều tập đoàn lớn tại Hoa Kỳ, châu Âu... Xu thế trên phù hợp với chủ trương

chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh là tăng tỉ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và thương mại, dịch vụ; tăng công nghiệp phụ trợ.

Thu nhập của người lao động: Tổng thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp FDI

tăng đều qua các năm với tốc độ PTBQ là 14%. Trong đó, tổng thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp LD có tốc độ PTBQ lớn hơn doanh nghiệp 100% vốn NN (Bảng 6).

Bảng 6. Tổng thu nhập và thu nhập bình quân 1 tháng của người lao động trong doanh nghiệp FDI

TT	Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	Tốc độ PTBQ (%)
1	Tổng thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp FDI (Tỷ đồng)	53.966	62.570	76.167	81.725	91.184	14,0
	Doanh nghiệp 100% vốn NN (Tỷ đồng)	52.297	61.140	74.711	79.885	88.993	14,2
	Doanh nghiệp LD (Tỷ đồng)	1.169	1.430	1.456	1.840	2.191	17,0
2	Thu nhập bình quân 1 tháng của người lao động trong doanh nghiệp FDI (Nghìn đồng)	8.470	9.567	11.010	14.581	12.794	10,9
	Doanh nghiệp 100% vốn NN (Nghìn đồng)	8.435	9.520	10.976	14.302	12.748	10,9
	Doanh nghiệp LD (Nghìn đồng)	10.463	12.105	13.051	15.657	15.024	9,5

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai (2022) và tính toán của tác giả

Thu nhập bình quân 1 tháng của người lao động trong doanh nghiệp FDI có sự cải thiện đáng kể theo thời gian. Năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch nên tốc độ tăng trưởng thu nhập bị chậm lại nhưng cả giai đoạn 2016 – 2020 tốc độ PTBQ thu nhập bình quân tháng của doanh nghiệp FDI vẫn đạt 10,9%.

Kết quả, hiệu quả SXKD: Tốc độ PTBQ về

doanh thu thuần của doanh nghiệp FDI đạt 6,3%. Trong đó, doanh nghiệp 100% vốn NN có tốc độ PTBQ 6,5%, doanh nghiệp LD 3,2%. Về lợi nhuận trước thuế, tốc độ PTBQ về lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp FDI đạt 10,4%. Trong đó, doanh nghiệp 100% vốn NN có tốc độ PTBQ 10,6%, doanh nghiệp LD 7,7%.

Bảng 7. Doanh thu, lợi nhuận và hiệu quả SXKD của các doanh nghiệp FDI

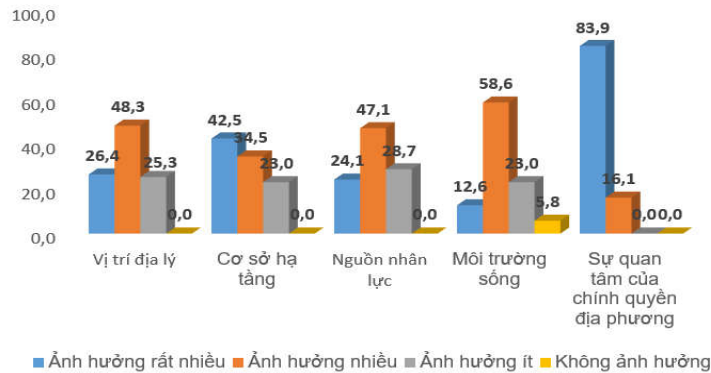
TT	Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	Tốc độ PTBQ (%)
1	Tổng doanh thu thuần (Tỷ đồng)	580.393	648.548	705.810	745.449	742.036	6,3
	Doanh nghiệp 100% vốn NN (Tỷ đồng)	545.715	614.242	668.551	706.570	702.717	6,5
	Doanh nghiệp LD (Tỷ đồng)	34.678	34.306	37.259	38.879	39.319	3,2
2	Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)	41.608	30.740	36.983	37.528	61.854	10,4
	Doanh nghiệp 100% vốn NN (Tỷ đồng)	38.651	28.572	34.633	35.195	57.871	10,6
	Doanh nghiệp LD (Tỷ đồng)	2.957	2.168	2.350	2.333	3.983	7,7
3	Hiệu quả SXKD						
3.1	Lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần (Lần)	0,07	0,05	0,05	0,05	0,08	
	Doanh nghiệp 100% vốn NN (Lần)	0,07	0,05	0,05	0,05	0,08	
	Doanh nghiệp LD (Lần)	0,09	0,06	0,06	0,06	0,10	
3.2	Lợi nhuận trước thuế/ Vốn SXKD (Lần)	0,09	0,06	0,07	0,06	0,10	
	Doanh nghiệp 100% vốn NN (Lần)	0,09	0,06	0,07	0,06	0,10	
	Doanh nghiệp LD (Lần)	0,12	0,09	0,09	0,07	0,09	

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai (2022) và tính toán của tác giả

Lợi nhuận trước thuế/doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế/vốn SXKD của doanh nghiệp FDI có xu thế tăng dần. Giai đoạn 2016 – 2020, 01 đồng doanh thu thuần tạo ra lần lượt 0,07; 0,05; 0,05; 0,05; 0,08 đồng lợi nhuận trước thuế. Một đồng vốn SXKD tạo ra lần lượt 0,09; 0,06; 0,07; 0,06; 0,1 đồng lợi nhuận trước thuế (Bảng 7). Doanh nghiệp 100% vốn NN có tăng trưởng về doanh thu thuần và lợi nhuận trước

thuế lớn hơn doanh nghiệp LD nhưng lợi nhuận trước thuế/doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế/vốn SXKD lại nhỏ hơn doanh nghiệp LD. Doanh nghiệp LD nếu có sự quan tâm hơn nữa của chính quyền địa phương sẽ SXKD hiệu quả hơn.

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Đồng Nai



Hình 4. Ảnh hưởng của một số yếu tố đến phát triển doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Nguồn: Khảo sát của tác giả)

Theo khảo sát, các yếu tố được đánh giá có ảnh hưởng nhiều và rất nhiều đến phát triển doanh nghiệp FDI tại Đồng Nai lần lượt là: sự quan tâm của chính quyền địa phương, cơ sở hạ tầng, vị trí địa lý, nguồn nhân lực, môi trường sống (Hình 4).

Từ năm 2017 đến nay, Đồng Nai chuyển từ xếp hạng chỉ số PCI trung bình sang khá và có sự cải thiện, nhưng vẫn chưa có bước đột phá để nâng năng lực cạnh tranh cấp tỉnh lên hạng tốt. Về cơ sở hạ tầng, việc kết nối hệ thống giao thông KCN với hệ thống giao thông vùng chưa tốt, việc mở rộng KCN và các tuyến giao thông kết nối hệ thống cảng đầu tư xây dựng khá chậm. Đồng Nai là đầu mối giao thông quan trọng của toàn khu vực phía Nam, có thể liên kết sản xuất với các vùng khác như Tây Nam Bộ, Trung Bộ, Bắc Bộ,... 14 cảng biển có thể xuất khẩu sản phẩm/hàng hóa sang các nước khác. Trên địa bàn tỉnh có trên 60 trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, 2 trường cao đẳng đủ điều kiện đào tạo chất lượng cao chuẩn quốc tế. Đồng Nai có địa hình khá

bằng phẳng, khí hậu ôn hòa, chi phí sinh hoạt rẻ so với các thành phố lớn nên đã được các doanh nghiệp FDI quan tâm. Những yếu tố trên cần được quan tâm, khai thác, cải thiện hỗ trợ cho sự phát triển của doanh nghiệp FDI.

3.4. Đánh giá chung về tình hình phát triển doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

3.4.1. Điểm mạnh

Doanh nghiệp FDI không ngừng tăng lên về số lượng, hầu hết là quy mô lớn nên ổn định trong SXKD, nhiều doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ đã phát huy được vai trò, tác dụng; cơ cấu ngành nghề, thu nhập của người lao động, doanh thu thuần và hiệu quả SXKD của doanh nghiệp FDI tăng trưởng qua các năm; chính quyền địa phương có kinh nghiệm trong quản lý doanh nghiệp FDI, kịp thời tháo gỡ khó khăn trong SXKD cũng như có các chính sách phù hợp thu hút đầu tư, khuyến khích mở rộng sản xuất.

3.4.2. Điểm yếu

Số lượng doanh nghiệp LD có tốc độ tăng thấp hơn doanh nghiệp 100% vốn NN, doanh

ngành công nghệ cao còn hạn chế; chưa thu hút nhiều vào lĩnh vực nông nghiệp trong khi tỉnh có ưu thế về ngành này, phục vụ xuất khẩu; khả năng kết nối giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước yếu; một số doanh nghiệp còn vi phạm về môi trường, BHXH, BHTN,... quỹ đất dành cho mở rộng doanh nghiệp không còn nhiều, quỹ đất còn nhiều (Tân Phú, Định Quán,...) lại xa các trung tâm cảng, logistic và chưa hoàn thành các thủ tục đất đai, hạ tầng; công tác giải phóng mặt bằng dự án mở rộng KCN (Hố Nai, Sông Mây, Amata...) triển khai chậm, giải phóng mặt bằng kéo dài, đường liên cảng chưa phát triển; môi trường đầu tư không thu hút như các địa phương lân cận.

3.4.3. Cơ hội

Chính phủ đang đẩy mạnh phát triển hạ tầng cho Đồng Nai và các vùng lân cận, lợi cho xuất khẩu; làn sóng dịch chuyển địa điểm sản xuất của một số tập đoàn kinh tế lớn vào Việt Nam; Việt Nam kiểm soát tốt dịch bệnh và phát triển kinh tế, là điểm đến đầu tư an toàn và hấp dẫn; các Hiệp định quan trọng (EVFTA, CPTPP, RCEP,...) đã giúp đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; Việt Nam có môi trường đầu tư năng động, cởi mở, nhiều chính sách ưu đãi, có vị trí chiến lược trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

3.4.4. Thách thức

Các vùng lân cận đang xuất hiện nhiều KCN mới có diện tích đất trống lớn, giá rẻ hơn; lao động nhập cư và lao động chất lượng cao khó tuyển dụng; logistics kết nối vùng chưa phát triển đồng bộ; các thị trường mới nổi, hấp dẫn nhà đầu tư xuất hiện nhiều (Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia,...); dịch Covid-19, chiến tranh Nga-Ukraina làm đứt gãy nhiều chuỗi cung ứng, chi phí đầu vào tăng, khó khăn cho SXKD; Luật Đầu tư, Luật Đất đai, các quy định về tài sản công,... còn nhiều vướng mắc.

3.5. Giải pháp phát triển doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong thời gian tới

3.5.1. Định hướng phát triển doanh nghiệp FDI

Chủ trương của Đồng Nai là đổi mới đầu tư KCN, mời gọi đầu tư về vùng nông thôn; phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp ứng

dụng công nghệ cao; tập trung đầu tư hạ tầng, trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học, khu công - nông nghiệp; nâng cấp, phát triển các hành lang kinh tế, trục kinh tế động lực để thúc đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội và đô thị hóa, mở rộng giao lưu thương mại.

3.5.2. Giải pháp phát triển doanh nghiệp FDI

Với định hướng trên và thực tế diện tích đất lớn dành cho các doanh nghiệp không còn nhiều, cạnh tranh về thu hút vốn FDI ngày càng gay gắt, Đồng Nai cần tập trung giải pháp để phát triển doanh nghiệp FDI về chiều sâu và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với loại hình doanh nghiệp này.

3.5.2.1. Tiếp tục thu hút doanh nghiệp có chọn lọc

Thu hút, hợp tác đầu tư có chọn lọc các dự án tiết kiệm đất, năng lượng. Ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

3.5.2.2. Giải quyết nhanh các vấn đề về cơ sở hạ tầng

Rút ngắn thời gian giao mặt bằng sạch cho doanh nghiệp. Phát triển hạ tầng giao thông, kết nối cảng biển. Huy động mạnh mẽ các nguồn lực xã hội cùng tham gia.

3.5.2.3. Đẩy mạnh việc hỗ trợ doanh nghiệp

Thu hút doanh nghiệp về các huyện vùng núi (Tân Phú, Định Quán,...) để tận dụng lao động tại chỗ. Hỗ trợ giải quyết chỗ ở cho công nhân. phát triển nhà ở xã hội gắn với quy hoạch phát triển thị trường bất động sản nhà ở, kết nối với các mạnh thường quân và doanh nghiệp FDI trong phát triển nhà ở xã hội. Kết nối doanh nghiệp với các hiệp hội, với doanh nghiệp trong nước để tăng tỷ lệ nội địa hóa trong các ngành công nghiệp, tiết kiệm chi phí sản xuất.

3.5.2.4. Cải thiện môi trường đầu tư

Cải thiện chất lượng thể chế, chính sách theo hướng tăng cường tính minh bạch, lành mạnh, an toàn và hiệu quả, nâng cao năng lực quản lý Nhà nước. Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm các điều kiện kinh doanh và thủ tục kiểm tra không cần thiết...

3.5.2.5. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá

Giám sát, đánh giá doanh nghiệp có phát sinh chuyển nhượng vốn, các doanh nghiệp có giao dịch liên kết chiếm tỷ trọng lớn; doanh nghiệp phát sinh lỗ nhiều năm nhưng vẫn đầu tư mở rộng SXKD; các doanh nghiệp có ưu đãi, miễn giảm thuế; vấn đề xử lý nước thải, rác thải, khí thải,...

4. KẾT LUẬN

Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, tốc độ PTBQ về số lượng doanh nghiệp FDI đạt 5,1%; ngành công nghiệp 3%, ngành thương mại 8,6%, ngành dịch vụ 18,8%; vốn SXKD 10,3%; lao động 2,4%; giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn 8,4%; đối tác đầu tư lớn là Hàn Quốc, Đài Loan và Nhật Bản. Cơ cấu ngành nghề theo hướng phát triển công nghiệp (chiếm 91,6% số dự án); tốc độ PTBQ về thu nhập bình quân tháng của người lao động đạt 10,9%; doanh thu thuần 6,3%, hiệu quả SXKD tăng trưởng qua các năm, trong đó Lợi nhuận trước thuế/Vốn SXKD năm đạt cao nhất là 0,1, thấp nhất là 0,06.

Những hạn chế, thách thức chủ yếu về lao

động, giao thông cảng biển, quỹ đất mở rộng SXKD, chỉ số PCI, cạnh tranh,... Do vậy, cần tập trung phát triển doanh nghiệp FDI về chiều sâu như thu hút doanh nghiệp có chọn lọc, tạo điều kiện phát triển cơ sở hạ tầng, hỗ trợ các doanh nghiệp trong SXKD, tăng cường công tác quản lý nhà nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai (2018, 2019, 2020, 2021, 2022). *Niên giám thống kê tỉnh Đồng Nai 2017, 2018, 2019, 2020, 2021*. Nhà xuất bản Thống kê.
2. UBND tỉnh Đồng Nai (2022). *Quyết định số 554/QĐ-UBND về Phê duyệt “Chương trình phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025”*. Ban hành ngày 03 tháng 3 năm 2022.
3. UBND tỉnh Đồng Nai (2016). *Quyết định số 2399/QĐ-UBND về Phê duyệt kế hoạch hành động về sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020*. Ban hành ngày 29 tháng 7 năm 2016.
4. UBND tỉnh Đồng Nai (2013). *Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND về Quy định thỏa thuận địa điểm dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*. Ban hành ngày 17 tháng 4 năm 2013.
5. <https://diza.dongnai.gov.vn>. Truy cập ngày 15/03/2022.

**DEVELOPMENT OF FOREIGN DIRECT INVESTMENT ENTERPRISES:
CASE STUDY DONG NAI PROVINCE**

Vu Thu Huong, Tran Van Hung, Nguyen Thi Huong Thao, Dinh Thi Thu Thuy
Vietnam National University of Forestry – Dong Nai Campus

SUMMARY

On 31st, December 2020, foreign direct investment (FDI) enterprises in Dong Nai province accounted for 6.3% of the total number of enterprises and contributed 46.7% of the total product in the area. In FDI enterprises, enterprises with 100% foreign capital accounted for 95.1%. In the period 2016 – 2020, FDI enterprises in Dong Nai province have grown in width and depth. There, enterprises with 100% foreign capital have an average growth rate higher than foreign ventures enterprises with about a number of business units, fixed asset value and long-term financial investment, the income of employees, net revenue and pre-tax profit. Foreign venture enterprises have more advantages about changes in labor, business produce capital, pre-tax profit on business produce capital. There are many advantages as well as opportunities in Dong Nai province during the development of FDI enterprises. However, the expansion of business produce area and number of business units is getting more difficult, because vacant land with a large area is not much left. To make the contribution of FDI enterprises in economic development, Dong Nai province needs to focus on FDI enterprises growth in depth.

Keywords: Development, Dong Nai, FDI enterprises, foreign direct investment.

Ngày nhận bài : 22/8/2022
Ngày phản biện : 05/10/2022
Ngày quyết định đăng : 20/10/2022